TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2025/HS-ST Ngày: 27-02-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà;

2. Ông Nguyễn Thế Bình;

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: không. Giới tính: nam; sinh ngày: 11/10/1991. Nơi sinh: huyện N, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và con bà Đàm Thị H2, sinh năm 1968; có vợ: Trần Thị O, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Tiền sự: không. Tiền án: ngày 16/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt là 03 năm 03 tháng tù. Nhân thân: Ngày 14/02/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến ngày 13/12/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, "có mặt".

2. Họ và tên: **Phạm Văn B**; tên gọi khác: không. Giới tính: nam; sinh ngày: 14/6/1991. Nơi sinh: huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn B1, sinh năm 1960 và con bà Vũ Thúy H3 (đã chết); có vợ: Trần Thị Bích P, sinh năm 2001; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2024 đến ngày 06/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, "có mặt".

Bị hại: anh Vũ Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm S, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để mua ma tuý và tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn H là người nghiện ma tuý từ năm 2013 đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 2 giờ ngày 30/11/2024, H đi bộ từ nhà M theo đường Đ đến xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định với mục đích tìm nhà dân nào sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, khi H đi qua nhà anh Vũ Văn T, sinh năm 1989, tại xóm Đ, xã Đ, huyện N, H thấy cổng nhà anh T không khoá và tại sân có để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 18K1-070.12 có cắm sẵn chìa khoá. Hướng lén lút vào dắt chiếc xe ra khỏi nhà anh T rồi điều khiển xe đi đến quán sửa chữa xe máy của bị cáo Phạm Văn B để chào bán chiếc xe cho Bộ. Do lúc này quán chưa mở cửa nên H đứng đợi, trong lúc chờ đợi H đã tháo biển số xe vứt đi. Đến 08 giờ cùng ngày Phạm Văn B mở cửa và gặp H. Hướng trao đổi muốn bán chiếc xe trên với giá 1.500.000 đồng; Bộ kiểm tra xe mô tô thấy chiếc xe hoạt động bình thường, xe không có biển số và không có giấy tờ xe, Bộ nghi ngờ chiếc xe không rõ nguồn gốc nên Bộ đã trả giá rẻ để mua chiếc xe nhằm bán lại kiếm lời. Bộ nói với H chỉ mua xe với giá mua sắt vụn là giá 800.000 đồng, H đồng ý bán rồi lấy tiền đi bộ về nhà. Sau khi phát hiện chiếc xe mô tô biển số 18K1-070.12 của mình bị mất, anh T đã có đơn trình báo sự việc gửi Công an huyện N.

Đến trưa ngày 04/12/2024, H điều khiển xe mô tô biển số 18F7-0932 mượn của anh Đinh Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện N đi từ huyện N đến khu vực chân cầu Đ, thành phố N tìm mua ma tuý để sử dụng, khi đến nơi H mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói Heroine đựng trong gói giấy màu trắng. Sau khi mua được ma tuý, H điều khiển xe mô tô đến xã Đ, huyện N

tìm nơi sử dụng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi H đang dừng xe mô tô tại khu vực cống D, thuộc thôn D, xã Đ thì bị Công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang H cất giấu tại túi quần bên phải 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Công an xã Đ đã mời người chứng kiến, đưa H cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, sau đó đã bàn giao H cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N: 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, được niêm phong trong phong bì Thư ký hiệu M; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu đỏ, biển số 18F7-0932; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda dream, màu nâu, không có biển số, số máy 1467977, số khung 168044 do Phạm Văn B tự nguyện giao nộp.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ đồ vật, tài liệu.

Tại Bản kết luận giám định số 1945/KL-KTHS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 gói giấy màu trắng, được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu M: 0,161 gam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG ngày 12/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận giá trị tài sản của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, đã qua sử dụng, số khung 168044, số máy 1467977 (bị cáo H đã tháo và vứt bỏ biển số 18K1- 070.12) tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trên thị trường là 7.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: anh Vũ Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp, không có yêu cầu về bồi thường dân sự; anh T đề nghị xử lý hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nguyễn Văn H và Phạm Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố như toàn bộ nội dung cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Trộm cắp tài sản"; tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt cả hai tội đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Bị cáo Bộ đã bị tạm giữ, tạm giam 33 ngày (quy đổi 1 ngày tạm giữ tạm giam thành 3 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo được trừ đi 3 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ.

Xét thấy bị cáo có thu nhập không ổn định, là lao động chính trong gia đình nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh T đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số Heroine có trong 01 phong bì niêm phong số 1945/KL-KTHS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định: Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 800.000đồng do phạm tội mà có sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Văn H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn B ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn B tại phiên toà là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, lời khai người chứng kiến, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, Bản kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh N, Bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 30/11/2024, tại nhà anh Vũ Văn T, sinh năm 1989, ở xóm Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 18K1- 070.12 của anh T có trị giá 7.800.000 đồng, đến khoảng 08 giờ cùng ngày H tháo biển số chiếc xe mang bán cho Phạm Văn B lấy 800.000 đồng; khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/12/2024, tại khu vực cống D, thuộc thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn H có hành vi tàng trữ trái phép 0,161 gam Heroine trong người để sử dụng thì bị Công an xã Đ bắt quả tang. Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của Phạm Văn B biết chiếc xe mô tô là tài sản do bị cáo H phạm tội mà có nhưng vẫn mua chiếc xe mô tô trên với giá 800.000 đồng để bán kiếm lời, do vậy hành vi của Phạm Văn B đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội, gây tác hại không tốt cho sức khoẻ của người sử dụng, làm lan truyền nhiều loại bệnh dịch nguy hiểm, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, ảnh hưởng xấu đến kinh tế, hạnh phúc gia đình, đồng thời là nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện, xác định việc bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy để sử dụng, cụ thể trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh T được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” bị cáo Phạm Văn B thực hiện, đã xác định việc bị cáo không có sự hứa hẹn trước với bị cáo H, nhưng biết rõ chiếc xe máy là do bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mua với giá 800.000 đồng để bán kiếm lời; do vậy hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn B đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H đã bị kết án, chưa được xoá án tích, nay tiếp tục cố ý phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Ngày 14/02/2025 bị cáo Nguyễn Văn H còn bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh

Nam Định xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo Phạm Văn B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn H như phân tích ở trên, cần thiết áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Phạm Văn B, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo Phạm Văn B có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo đang nuôi con nhỏ, bản thân không có thu nhập ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo B đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2024 đến ngày 06/01/2025 là 33 ngày, được quy đổi 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ và được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo H tàng trữ ma túy chỉ để sử dụng cho bản thân nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh T đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số Heroine có trong 01 phong bì niêm phong số 1945/KL-KTHS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định, là vật Nhàcấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 800.000 đồng bị cáo H hưởng lợi từ hành vi bán chiếc xe máy do trộm cắp được mà có cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn H ngày 04/12/2024, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có căn cứ để điều tra, xử lý. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 18F7-0932, xác định là tài sản của anh Đinh Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện N; anh C cho H mượn xe nhưng

không biết H sử dụng xe mô tô của mình đi mua ma tuý nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh C là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và xử phạt Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2024 đến ngày 06/01/2025 là 33 ngày, quy đổi thành 03 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn B.

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" đang được áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn B.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 1945/KL-KTHS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định.

Vật chứng nêu trên được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-01-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nghĩa Thái, xã Trực Thanh;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga